

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Đức Khoa

Ông Phạm Công Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị T, sinh năm 1954; nơi cư trú: Số 19/71 cụm 1, phường Đ, quận N, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn 10, xã C, huyện T, thành phố H; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn yêu cầu đề ngày 06 tháng 02 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Trần Thị T (nguyên đơn) khai:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H có quan hệ tình cảm với nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 1997. Tuy nhiên bà T và ông H không đăng ký kết hôn tại UBND xã, phường theo quy định

của pháp luật. Đến năm 1997, do phát sinh mâu thuẫn nên ông Phạm Văn H đã bỏ về nhà tại xã C, huyện T sinh sống cho đến nay. Hai bên không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Nay, bà T đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông Phạm Văn H.

Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H có một con chung là Phạm Hồng T, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1996. Hiện đã trưởng thành nên bà T không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Trần Thị T xác nhận bà và ông Phạm Văn H không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, bị đơn ông Phạm Văn H khai:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phạm Văn H xác nhận từ năm 1995 đến năm 1997, ông và bà Trần Thị T có quan hệ tình cảm với nhau và chung sống với nhau như vợ chồng. Tuy nhiên ông và bà T không đăng ký kết hôn tại UBND xã, phường theo quy định vì khi đó ông đã có vợ con ở quê. Đến năm 1997, do phát sinh mâu thuẫn nên ông H đã về nhà tại xã C, huyện T sinh sống cho đến nay. Hai bên không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Nay, bà T đề nghị Toà án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông và bà T thì ông H đồng ý và đề nghị Toà án giải quyết.

Về con chung: Ông Phạm Văn H xác nhận ông và bà Trần Thị T có một con chung là Phạm Hồng T, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1996. Hiện đã trưởng thành nên ông H không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông Phạm Văn H xác nhận ông và bà Trần Thị T không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã xác định đúng về thẩm quyền giải quyết vụ án; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp, tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự tại phiên tòa đã được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H. Về con chung và tài sản chung: Bà T và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết trong vụ án này. Về nghĩa vụ nộp án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Trần Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc không công nhận quan hệ vợ chồng. Bị đơn là ông Phạm Văn H có nơi cư trú tại xã C, huyện T, thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H có quan hệ tình cảm với nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1995 đến năm 1997. Tuy nhiên ông H và bà T không thực hiện việc Đăng ký kết hôn tại UBND xã, phường theo quy định của pháp luật. Do đó, việc chung sống giữa ông H và bà T là không có giá trị pháp lý. Hội đồng xét xử xét yêu cầu của bà T về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà T và ông H là có căn cứ, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H có một con chung là Phạm Hồng T, sinh ngày 17 tháng 7 năm 1996. Hiện con chung đã trưởng thành, ông Huy và bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H xác nhận ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Bà Trần Thị T là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008146 ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 328 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H.

2. Về án phí: Bà Trần Thị T thuộc trường hợp được miễn nộp án phí ly hôn sơ thẩm. Trả lại bà Trần Thị T số tiền tạm ứng án phí 300.000 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008146 ngày 09 tháng 3 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bà Trần Thị T và ông Phạm Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Dương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Khoa

Phạm Công Hạ

Lương Ngọc Dũng